

Số: /2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD, Thông tư số 24/2026/TT-BXD;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 214/TTr-SXD về việc dự thảo Quyết định Quy định hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về các tuyến xe buýt và giá vé các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố; nguyên tắc, phương pháp xác định kinh phí hỗ trợ để thực hiện Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND về hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt các tuyến và công tác bố trí dự toán, thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt từ nguồn ngân sách thành phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Các đơn vị kinh doanh vận tải đảm nhận khai thác các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

### **Điều 3. Chính sách về giá vé đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

1. Mức giá vé áp dụng đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố như sau:

| STT | Mức giá vé   | Đối tượng áp dụng                               | Giá vé (đồng) |
|-----|--------------|-------------------------------------------------|---------------|
| 1   | Mức giá vé 1 | Học sinh, sinh viên<br>Hành khách đi dưới 20 km | 8.000         |
| 2   | Mức giá vé 2 | Hành khách đi từ 20 km đến dưới 35 km           | 12.000        |
| 3   | Mức giá vé 3 | Hành khách đi từ 35 km trở lên                  | 15.000        |

2. Thực hiện miễn tiền vé, giảm giá vé cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND.

### **Điều 4. Danh mục các tuyến xe buýt và thông số xác định hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

| STT | Tuyến vận chuyển                                      | Mã số tuyến | Cự ly (Km) | Trọng tải xe (Chỗ) | Tổng số chuyến xe/ngày | Hệ số sử dụng trọng tải xe | Ghi chú      |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------|------------------------|----------------------------|--------------|
| 1   | Trạm xe buýt<br>Trảng Dài - Bên xe<br>ngã tư Vũng Tàu | 1           | 17,0       | 40                 | 86                     | 0,75                       | Mức giá vé 1 |

|   |                                                |   |      |    |    |      |              |
|---|------------------------------------------------|---|------|----|----|------|--------------|
| 2 | Bến xe Biên Hòa -<br>Trạm xe Nhơn<br>Trạch     | 2 | 42   | 50 | 82 | 1,00 |              |
| a | Mức giá vé 1                                   |   |      |    |    | 40%  |              |
| b | Mức giá vé 2                                   |   |      |    |    | 40%  |              |
| c | Mức giá vé 3                                   |   |      |    |    | 20%  |              |
| 3 | Bến xe Hồ Nai -<br>Trạm xe Hóa An              | 3 | 15   | 40 | 90 | 0,75 | Mức giá vé 1 |
| 4 | Bến xe Biên Hòa -<br>Bến xe Vĩnh Cửu           | 7 | 21   | 40 | 92 | 0,75 | Mức giá vé 1 |
| 5 | Bến xe ngã tư<br>Vũng Tàu - Bến xe<br>Vĩnh Cửu | 8 | 15,5 | 40 | 92 | 0,75 | Mức giá vé 1 |

### **Điều 5. Nguyên tắc và phương pháp xác định kinh phí hỗ trợ**

1. Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND.

2. Kinh phí hỗ trợ được tính cho từng chuyến xe hoạt động theo phương án khai thác tuyến được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ kinh phí được xác định theo công thức:

Mức hỗ trợ kinh phí = Chi phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt - Doanh thu hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Trong đó:

a) Chi phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

b) Doanh thu hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được xác định trên cơ sở các chỉ tiêu khai thác tuyến quy định tại Điều 4 Quyết định này hoặc theo kết quả lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải trúng thầu cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Xây dựng**

a) Xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố gửi Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí theo quy định.

b) Chỉ đạo Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng, các đơn vị quản lý khai thác và kinh doanh bến xe, các đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức khai thác tuyến, quản lý và điều hành hoạt động của các tuyến xe buýt nhằm bảo đảm hiệu quả kinh doanh, giảm dần kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách thành phố.

c) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện việc đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá.

## 2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách thành phố theo khả năng cân đối ngân sách để thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

## 3. Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng

a) Hàng năm căn cứ theo số lượng, khối lượng, đơn giá, giá vé, dự toán năm trước liền kề (trường hợp được giao nhiệm vụ, đặt hàng), đấu thầu năm liền kề trước (trường hợp đấu thầu) và dự kiến biến động các yếu tố chi phí đầu vào, xác định kinh phí hỗ trợ đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố trình Sở Xây dựng xem xét theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện việc thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ bảo đảm kịp thời cho các đơn vị kinh doanh vận tải khai thác các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố.

## 4. Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai

Thường xuyên thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin về các chính sách của Nhà nước trong việc hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đang triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố để công nhân, học sinh, sinh viên và Nhân dân được biết và hưởng ứng đi lại bằng phương tiện xe buýt, góp phần vào việc giảm ô nhiễm môi trường, giảm ùn tắc giao thông, kiểm chế và giảm tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày      tháng      năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về trợ giá và giá vé các tuyến xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Khai thác hoạt động của tuyến xe buýt số 1 từ Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (phường Trảng Dài) - Bến xe ngã tư Vũng Tàu (tuyến có trợ giá);

c) Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về trợ giá và giá vé các tuyến xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với khối lượng thực hiện của các tuyến xe buýt có trợ giá trước ngày Quyết định này có hiệu lực, việc nghiệm thu, thanh toán và quyết toán kinh phí trợ giá cho các đơn vị được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 2829/QĐ-UBND và Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, bao gồm cả phần chênh lệch trợ giá theo biến động các yếu tố chi phí đầu vào.

2. Đối với khối lượng thực hiện của các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, việc nghiệm thu, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

### **Điều 9. Trách nhiệm thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII; Giám đốc Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 9;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT. UBND thành phố;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Hà**